HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01 /2023/NQ-HĐND	*Krông Năng, ngày 19 tháng 07 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nội dung, mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Krông Năng, giai đoạn 2023-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021–2025;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Quy định nội dung, mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2023-2025;

Xét Tờ trình số 131/TTr-UBND ngày 05/7/2023 của UBND huyện về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về Quy định nội dung, mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Krông Năng, giai đoạn 2023-2025; Báo cáo thẩm tra số: 20/BC-BKTXH, ngày 13/7/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a. Nghị quyết này quy định nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách huyện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Krông Năng, giai đoạn 2023-2025.

b. Đối với các nội dung khác thuộc Chương trình nhưng chưa quy định tại

Nghị quyết này thì mức hỗ trợ từ ngân sách huyện thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng:

Các xã trên địa bàn huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; Các thôn, buôn thuộc các xã trên địa bàn huyện thuộc đối tượng bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025.

Điều 2. Thứ tự ưu tiên hỗ trợ

1. Ưu tiên hỗ trợ các xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trong giai đoạn 2023-2025.

2. Hỗ trợ duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với các xã đã đạt chuẩn nhưng không phấn đấu đạt nâng cao trong giai đoạn 2023-2025.

3. Hỗ trợ thực hiện các Chương trình chuyên đề trong xây dựng nông thôn mới.

Điều 3. Nội dung hỗ trợ

1. Lĩnh vực giao thông bao gồm: Đường xã, đường thôn, đường nối với các khu vực sản xuất.

Quy mô kỹ thuật đường giao thông thực hiện theo Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

2. Lĩnh vực thủy lợi: Kênh mương có diện tích tưới dưới 30 ha. Quy mô kỹ thuật thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Lĩnh vực môi trường, bao gồm: Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung cấp xã, liên xã; Điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

4. Lĩnh vực văn hóa, thể thao, bao gồm: Nhà văn hóa xã hoặc hội trường đa năng; Sân thể thao xã.

5. Lĩnh vực y tế bao gồm: Trạm y tế xã.

Điều 4. Mức hỗ trợ

1. Lĩnh vực giao thông:

a. Đối với đường xã:

+ Đối với xã khu vực III: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư dự án.

+ Đối với xã khu vực II: Ngân sách huyện hỗ trợ tối đa 5% tổng mức đầu tư dự án.

+ Đối với xã khu vực I và xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Ngân sách huyện hỗ trợ tối đa 10% tổng mức đầu tư dự án.

b. Đối với đường thôn:

+ Thôn, buôn thuộc các xã khu vực III; thôn, buôn đặc biệt khó khăn của các xã còn lại: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư dự án.

+ Các thôn, buôn còn lại: Ngân sách huyện hỗ trợ tối đa 25% tổng mức đầu tư dự án.

c. Đối với đường nối với các khu vực sản xuất: Ngân sách huyện hỗ trợ tối đa 30% tổng mức đầu tư dự án.

2. Lĩnh vực thuỷ lợi:

Kênh mương có diện tích tưới dưới 30 ha:

+ Đối với xã khu vực III và thôn, buôn đặc biệt khó khăn của các xã còn lại: Ngân sách huyện hỗ trợ tối đa 10% tổng mức đầu tư dự án.

+ Đối với xã khu vực II: Ngân sách huyện hỗ trợ tối đa 20% tổng mức đầu tư dự án.

+ Đối với xã khu vực I và xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Ngân sách huyện hỗ trợ tối đa 30% tổng mức đầu tư dự án.

3. Lĩnh vực môi trường:

a. Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung cấp xã, liên xã:

+ Đối với xã khu vực III: Ngân sách huyện hỗ trợ tối đa 10% tổng mức đầu tư dự án.

+ Đối với xã khu vực II: Ngân sách huyện hỗ trợ tối đa 15% tổng mức đầu tư dự án.

+ Đối với xã khu vực I và xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Ngân sách huyện hỗ trợ tối đa 25% tổng mức đầu tư dự án.

b. Điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt: Ngân sách huyện hỗ trợ tối đa 10% tổng mức đầu tư dự án.

4. Lĩnh vực văn hóa, thể thao:

Nhà văn hóa xã hoặc hội trường đa năng; sân thể thao xã:

+ Đối với xã khu vực III: Ngân sách huyện hỗ trợ tối đa 10% tổng mức đầu tư dự án.

+ Đối với xã khu vực II: Ngân sách huyện hỗ trợ tối đa 30% tổng mức đầu tư dự án.

+ Đối với xã khu vực I và xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Ngân sách huyện hỗ trợ tối đa 35% tổng mức đầu tư dự án.

5. Lĩnh vực Y tế:

Trạm y tế xã:

+ Đối với xã khu vực III: Ngân sách huyện hỗ trợ tối đa 10% tổng mức đầu tư dự án.

+ Đối với xã khu vực II: Ngân sách huyện hỗ trợ tối đa 30% tổng mức đầu tư dự án.

+ Đối với xã khu vực I và xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Ngân sách huyện hỗ trợ tối đa 50% tổng mức đầu tư dự án.

6. Quy định chung:

Hàng năm, kinh phí ngân sách huyện bố trí cho các xã triển khai đầu tư kết cấu hạ tầng hoặc duy tu, bảo dưỡng, vận hành các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã: Mức hỗ trợ là 400 triệu đồng/xã/năm.

Ngoài mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh quy định tại Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND, ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk; mức hỗ trợ từ ngân sách huyện theo quy định tại Nghị quyết này; phần còn lại do ngân sách cấp xã hỗ trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và vận động đóng góp tự nguyện của người dân để thực hiện.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện và báo cáo kết quả tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân huyện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu HĐND huyện, đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của HĐND huyện về việc Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng một số hạ tầng thiết yếu trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020./.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Krông Năng khoá XIII, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 18/7/2023 và có hiệu lực từ ngày 26/7/2023./.

Nơi nhận:
- HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT. Huyện ủy;
- TT HĐND huyện; Đại biểu HĐND huyện;
- CT, các PCT và thành viên UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã;
- Đài TTTH huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Bá Thìn